

# Chứng khoán Việt Nam

## Thông tin thị trường chuyên sâu

Báo cáo ngày

### Xu hướng thị trường:

#### Bluechips suy yếu

Trong phiên giao dịch ngày thứ Ba, áp lực bán chiếm lĩnh thị trường mặc cho những nỗ lực tăng điểm ở một số mã đặc thù thuộc nhóm ngành Bất động sản, Tài chính. VN-Index vẫn ở thế giằng co với thanh khoản tăng mạnh vào cuối phiên chiều khiến các nhà đầu tư vẫn ở thế chờ đợi thời điểm thích hợp để hành động.

Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index giảm 9.88 điểm (-0.77%), đạt 1,269.89 điểm; HNX-Index giảm 1.55 điểm (-0.68%), đạt 225.88 điểm. Thanh khoản thị trường đạt 19.1 nghìn tỷ đồng, tương ứng khoảng 793.9 triệu cổ phiếu được giao dịch. Khối ngoại bán ròng 138.97 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở FUEVFVND, KDH và VRE.

VHM (+0.94%), EIB (+3.85%), GMD (+3.42%) là ba mã cổ phiếu đóng góp nhiều nhất vào sắc xanh của thị trường. GVR (-4.12%), BID (-1.81%), FPT (-1.77%) là ba mã lấy đi nhiều điểm nhất của thị trường.

Công nghệ, Nguyên vật liệu, và Vận tải là các nhóm ảnh hưởng lớn nhất đến đà giảm của thị trường trong phiên hôm nay. Các mã tiêu biểu: VGI, GVR, ACV.

Góc nhìn kỹ thuật: Sau nhiều lần test 1300 không thành công, áp lực bán diễn ra khiến VN-Index giảm gần 10 điểm, tạm đánh mất mốc 1,270 điểm. Thị trường đóng cửa ở mức hỗ trợ MA50 và gây các đường trendline trước đó. Tuy nhiên, điểm tích cực là lực cầu có xuất hiện vào cuối phiên và nhóm ngân hàng vẫn trụ vững. Xu hướng của thị trường vẫn tiếp tục tích lũy ở biên độ lớn quanh 1,270 – 1,300 và sẽ xuất hiện phân hóa. Hỗ trợ gần nhất của thị trường là ở mức 1,260. Trong trường hợp tiếp tục vi phạm mốc EMA50, chỉ số sẽ quay về kiểm định lại vùng điểm 1,240-1,250 tương ứng EMA 200.

Chiến lược: Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái nắm giữ khi thị trường vẫn trong trạng thái đi ngang. Khuyến nghị mua cần chờ đợi thị trường giảm về vùng 1,270 và có hướng bật tăng trở lại hoặc đợi vượt hẳn 1,300.



Các chỉ số chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam

| Index       | Giá   | %1D  | %1M  | %1Yr. | PER  | PBR | Vốn hóa   |
|-------------|-------|------|------|-------|------|-----|-----------|
| VN-Index    | 1,270 | -0.8 | -0.2 | 14.6  | 15.7 | 1.7 | 5,261,560 |
| VN30 Index  | 1,349 | -0.7 | 1.7  | 20.0  | 12.5 | 1.7 | 3,718,303 |
| VN Midcap   | 1,885 | -0.5 | -0.8 | 18.7  | 16.9 | 1.6 | 1,005,821 |
| VN Smallcap | 1,395 | -0.3 | -1.4 | 7.8   | 20.3 | 1.0 | 256,360   |
| HNX Index   | 226   | -0.8 | -3.8 | -1.3  | 18.2 | 1.2 | 297,188   |
| UpCom       | 92    | -0.4 | -2.0 | 7.1   | 13.4 | 1.8 | 1,462,076 |

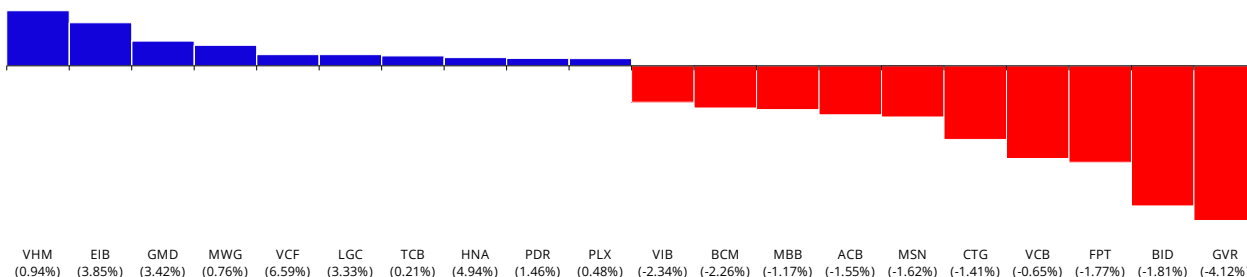
Nhóm ngành

| Nhóm ngành           | %1D  | %1M  | %YTD  | %1 YR. | PER   | PBR  | Vốn hóa   |
|----------------------|------|------|-------|--------|-------|------|-----------|
| Bán lẻ               | 0.1  | -2.9 | 47.5  | 1.5    | 269.2 | 4.2  | 137,302   |
| Bảo hiểm             | -0.8 | 0.0  | 7.6   | 5.5    | 14.3  | 1.4  | 43,866    |
| Bất động sản         | -0.2 | 0.0  | -1.5  | 0.9    | 14.3  | 1.3  | 727,554   |
| CNTT                 | -1.8 | -0.8 | 55.4  | 61.6   | 30.9  | 6.0  | 213,294   |
| Dầu khí              | 0.2  | -8.4 | 42.7  | 10.9   | 23.8  | 2.6  | 67,341    |
| Dịch vụ tài chính    | -0.9 | -0.2 | 9.3   | 22.9   | 22.2  | 1.8  | 198,095   |
| Tiền ích             | -0.8 | -2.1 | -1.3  | -6.3   | 15.3  | 1.9  | 295,980   |
| Du lịch và Giải trí  | -0.8 | -2.9 | 17.0  | 22.3   | n.a   | 30.1 | 113,071   |
| Hàng & DV CN         | 1.7  | -1.6 | 8.3   | 10.3   | 15.0  | 1.7  | 141,483   |
| Hàng CN & Gia dụng   | -1.1 | -4.2 | 11.8  | 17.1   | 15.5  | 1.9  | 58,368    |
| Hóa chất             | -2.7 | -4.7 | 35.6  | 38.1   | 28.5  | 2.2  | 241,451   |
| Ngân hàng            | -0.9 | 2.2  | 20.2  | 24.3   | 10.4  | 1.7  | 2,113,395 |
| Ô tô và phụ tùng     | 0.7  | -5.8 | 1.9   | 6.5    | 18.0  | 1.2  | 14,896    |
| Tài nguyên Cơ bản    | -0.4 | 2.5  | 1.9   | 15.9   | 37.2  | 1.5  | 218,831   |
| Thẩm mỹ & Đồ uống    | -0.6 | -1.9 | 3.2   | 0.3    | 25.7  | 2.8  | 445,737   |
| Truyền thông         | -3.5 | 4.7  | -19.0 | -3.5   | 27.2  | 0.9  | 1,732     |
| Xây dựng và Vật liệu | -0.5 | -1.6 | -2.2  | 8.0    | 25.2  | 1.4  | 122,807   |
| Y tế                 | -1.2 | -3.0 | 10.9  | 4.5    | 15.1  | 2.1  | 38,412    |

Tiền tệ và hàng hóa

|              | Tỷ giá | %1D  | %1W  | %1M  | %3M   | %YTD  | %1Yr. |
|--------------|--------|------|------|------|-------|-------|-------|
| Dollar index | 104    | -0.1 | 0.6  | 3.2  | -0.4  | 2.5   | -2.1  |
| USD/JPY      | 151    | 0.0  | 1.1  | 5.1  | -3.9  | 7.0   | 0.8   |
| USD/CNY      | 7      | 0.0  | 0.0  | 1.0  | -2.1  | 0.3   | -2.6  |
| KRW/USD      | 1,378  | 0.0  | 1.0  | 3.2  | -0.7  | 7.0   | 1.8   |
| EUR/USD      | 1      | -0.1 | 0.6  | 2.7  | 0.6   | 2.0   | -1.4  |
| USD/VND      | 25,387 | 0.4  | 1.9  | 3.1  | 0.2   | 4.6   | 3.3   |
| Dầu Thô      | 71     | 1.0  | 1.0  | -0.9 | -10.6 | -0.5  | -19.7 |
| Xăng         | 237    | 17.7 | 16.3 | 16.4 | -4.0  | 12.8  | -0.1  |
| Khí đốt      | 2      | 1.3  | -6.2 | -3.7 | 4.1   | -6.8  | -19.2 |
| Than         | 146    | 0.1  | -1.8 | 4.4  | 7.8   | -0.5  | 5.5   |
| Vàng         | 2,731  | 0.4  | 2.6  | 3.9  | 14.0  | 32.4  | 38.4  |
| Thép cuộn    | 3,491  | -0.9 | -4.2 | 9.9  | -3.2  | -14.4 | -8.0  |

### Đóng góp vào VN Index



[Analyst ]  
Phuc Nguyen  
☎ (84-28) 6299 - 8025  
✉ phuc.nh@shinhan.com

[Analyst ]  
Nien Nguyen  
[Analyst ]  
Trang Pham

Theo dõi Zalo của SSV  
để cập nhật báo cáo mới nhất



Quét mã QR hoặc click để theo dõi

# Điểm tin thị trường

## Tin tức nổi bật

- CTD - Công nghiệp:** Biên bản mở thầu Gói thầu Thi công xây lắp và lắp đặt thiết bị công trình hơn 522 tỷ đồng thuộc Dự án Chính trang trục đường Thủy Và (Vũng Tàu) cho thấy, CTD có lợi thế lớn.
- POW - Tiện ích:** Việc đưa tổ máy số 2 Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Hà Tĩnh) vào vận hành thương mại trở lại góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, phục vụ nền kinh tế giai đoạn cuối năm.
- TCB - Ngân hàng:** Lợi nhuận trước thuế của Techcombank đạt 22.8 nghìn tỷ đồng và tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 37.4 nghìn tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm, tăng lần lượt 33.5% và 28.9% so với cùng kỳ.
- HSC - Chứng khoán:** Các mảng hoạt động chính như cho vay margin và tự doanh tăng so với cùng kỳ, HSC đạt mức tăng lợi nhuận 4% trong quý 3/2024.
- DGC - Nguyên vật liệu:** Kết quả kinh doanh của Hoá chất Đức Giang trong quý 3/2024 không có đột biến đáng kể. Công ty vẫn sở hữu bảng cân đối tài chính lành mạnh với hơn 11.000 tỷ đồng tiền nhàn rỗi.
- VIB - Ngân hàng:** VIB công bố kết quả kinh doanh cho 9 tháng đầu năm 2024 với doanh thu và hiệu quả duy trì ổn định, tăng trưởng tín dụng và huy động vượt trội so với ngành.
- HAX - Hàng Tiêu dùng:** HAX vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2024 với doanh thu thuần đạt 1536 tỷ đồng, tăng gần 38% so với cùng kỳ năm trước.
- PNJ - Hàng Tiêu dùng:** Theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh PNJ tháng 9/2024, Công ty đạt 2,376 tỷ đồng doanh thu thuần và lãi sau thuế 101 tỷ đồng, lần lượt tăng 6% và 9% so với tháng 9/2023.
- EVF - Tài chính:** Theo BCTC quý 3/2024 vừa công bố, EVF lãi trước thuế gần 227 tỷ đồng, tăng 58% so với cùng kỳ năm trước, nhờ thu nhập lãi thuần tăng mạnh. Riêng quý 3, thu nhập lãi thuần tăng đến 48% so với cùng kỳ.

## Cổ phiếu nổi bật trong ngày

### ▶ Công ty cổ phần FPT – FPT

**FPT - Công nghệ:** Biên bản ghi nhớ giữa FPT và NUS Computing sẽ bao gồm thành lập một phòng nghiên cứu hiện đại, đầu tư thúc đẩy đổi mới sáng tạo và đào tạo các chuyên gia trong lĩnh vực AI.



# Xu hướng dòng tiền

| Luận chuyển dòng tiền giữa các nhóm ngành (tỷ đồng) |                               |  |            |            |           |                   |  |
|---|-------------------------------|--|------------|------------|-----------|-------------------|--|
| STT   | Nhóm ngành                    | % Thay đổi thanh khoản trung bình 1 tuần | 10/21/2024 | 10/22/2024 | TB 1 tuần | Xu hướng 20 phiên |  |
| 1   | Công nghệ Thông tin           | 75.7                                     | 450        | 855        | 487       |                   |  |
| 2   | Hàng cá nhân & Gia dụng       | 55.0                                     | 107        | 215        | 139       |                   |  |
| 3   | Hóa chất                      | 53.2                                     | 462        | 964        | 630       |                   |  |
| 4   | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 41.6                                     | 110        | 194        | 137       |                   |  |
| 5   | Ô tô và phụ tùng              | 36.5                                     | 50         | 88         | 64        |                   |  |
| 6   | Bán lẻ                        | 33.7                                     | 404        | 948        | 709       |                   |  |
| 7   | Xây dựng và Vật liệu          | 33.1                                     | 516        | 683        | 513       |                   |  |
| 8   | Dịch vụ tài chính             | 23.2                                     | 1,937      | 2,090      | 1,696     |                   |  |
| 9   | Bất động sản                  | 23.2                                     | 2,849      | 2,887      | 2,344     |                   |  |
| 10  | Ngân hàng                     | 20.9                                     | 3,723      | 5,541      | 4,583     |                   |  |
| 11  | Du lịch và Giải trí           | 14.7                                     | 141        | 151        | 131       |                   |  |
| 12  | Tài nguyên Cơ bản             | 11.0                                     | 635        | 767        | 691       |                   |  |
| 13  | Thực phẩm và đồ uống          | 10.5                                     | 956        | 1,233      | 1,115     |                   |  |
| 14  | Dầu khí                       | -2.6                                     | 136        | 125        | 128       |                   |  |
| 15  | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp    | -3.7                                     | 727        | 534        | 554       |                   |  |
| 16  | Truyền thông                  | -8.5                                     | 26         | 19         | 21        |                   |  |
| 17  | Bảo hiểm                      | -15.4                                    | 13         | 14         | 17        |                   |  |

| Top 15 cổ phiếu có giá trị giao dịch đột biến 1 tuần |                        |                      |              |            |      |       |                 |                                  |          |
|--|------------------------|----------------------|--------------|------------|------|-------|-----------------|----------------------------------|----------|
| Mã   | Tên doanh nghiệp       | Nhóm ngành           | Giá đóng cửa | % Thay đổi |      |       | % Thay đổi GTGD | Thống kê giao dịch GTGD (VND tỷ) | Xu hướng |
|  |                        |                      |              | %1D        | %1W  | %YTD  |                 |                                  |          |
| FPT  | FPT Corp               | Công nghệ Thông tin  | 133,100      | -1.8       | -2.8 | 59.3  | 104             | 806.4                            |          |
| DGC  | Hóa chất Đức Giang     | Hóa chất             | 111,100      | -1.7       | -3.7 | 17.7  | 175             | 393.7                            |          |
| HDC  | Phát triển Nhà BR-VT   | Bất động sản         | 27,200       | 3.8        | 6.5  | 2.6   | 387             | 241.1                            |          |
| TPB  | TPBank                 | Ngân hàng            | 17,300       | -1.1       | -0.9 | 19.3  | 51              | 540.9                            |          |
| GVR  | Tập đoàn CN Cao su VN  | Hóa chất             | 33,750       | -4.1       | -5.6 | 59.2  | 130             | 277.8                            |          |
| VIB  | VIBBank                | Ngân hàng            | 18,750       | -2.3       | -2.3 | 11.9  | 42              | 482.7                            |          |
| MBB  | MBBank                 | Ngân hàng            | 25,250       | -1.2       | -1.6 | 35.4  | 35              | 516.7                            |          |
| EIB  | Eximbank               | Ngân hàng            | 21,600       | 3.8        | 18.7 | 26.0  | 27              | 621.3                            |          |
| MWG  | Thế giới di động       | Bán lẻ               | 66,300       | 0.8        | 3.0  | 54.9  | 24              | 647.4                            |          |
| ORS  | Chứng khoán Tiên Phong | Dịch vụ tài chính    | 14,500       | 2.8        | 4.7  | 11.3  | 173             | 195.6                            |          |
| DXG  | Địa ốc Đất Xanh        | Bất động sản         | 16,200       | 0.3        | 8.0  | -16.3 | 48              | 357.7                            |          |
| MSN  | Tập đoàn Masan         | Thực phẩm và đồ uống | 78,900       | -1.6       | -2.4 | 17.8  | 23              | 581.4                            |          |
| KBC  | TCT Đô thị Kinh Bắc    | Bất động sản         | 26,250       | -3.7       | -3.5 | -17.3 | 115             | 193.8                            |          |
| TCB  | Techcombank            | Ngân hàng            | 24,200       | 0.2        | -0.2 | 52.2  | 33              | 409.0                            |          |
| CTD  | Xây dựng Cotecccons    | Xây dựng và Vật liệu | 67,100       | 3.2        | 6.0  | -2.5  | 242             | 140.5                            |          |

| Top 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến 1 tuần |                         |                      |              |            |      |       |                 |   |          |
|---|-------------------------|----------------------|--------------|------------|------|-------|-----------------|---|----------|
| Mã  | Tên doanh nghiệp        | Nhóm ngành           | Giá đóng cửa | % thay đổi |      |       | % Thay đổi KLGĐ | Thống kê giao dịch Khối lượng giao dịch | Xu hướng |
|   |                         |                      |              | %1D        | %1W  | %YTD  |                 |   |          |
| CTD   | Xây dựng Cotecccons     | Xây dựng và Vật liệu | 67,100.0     | 3.2        | 6.0  | -2.5  | 5.4             | 67.10                                   |          |
| NHA   | PT Nhà và Đô thị Nam HN | Xây dựng và Vật liệu | 26,600.0     | 3.5        | 10.8 | 56.0  | 5.8             | 26.60                                   |          |
| HDC   | Phát triển Nhà BR-VT    | Bất động sản         | 27,200.0     | 3.8        | 6.5  | 2.6   | 5.2             | 27.20                                   |          |
| HAX   | Ô tô Hàng Xanh          | Ô tô và phụ tùng     | 16,950.0     | 1.2        | 5.0  | 40.2  | 3.5             | 16.95                                   |          |
| BFC   | Phân bón Bình Điền      | Hóa chất             | 39,950.0     | 3.8        | -1.4 | 61.7  | 0.4             | 39.95                                   |          |
| TNT   | Tập đoàn TNT            | Tài nguyên Cơ bản    | 4,050.0      | 0.2        | 0.5  | -12.3 | 0.8             | 4.05                                    |          |
| DGW   | Thế Giới Số             | Bán lẻ               | 43,900.0     | -3.4       | -2.7 | 9.1   | -3.6            | 43.90                                   |          |
| DGC   | Hóa chất Đức Giang      | Hóa chất             | 111,100.0    | -1.7       | -3.7 | 17.7  | -3.0            | 111.10                                  |          |
| FRT   | Bán lẻ FPT              | Bán lẻ               | 174,000.0    | -1.1       | -2.8 | 62.6  | -2.2            | 174.00                                  |          |
| IMP   | IMEXPHARM               | Y tế                 | 42,600.0     | -4.2       | -9.0 | 65.6  | -8.6            | 42.60                                   |          |

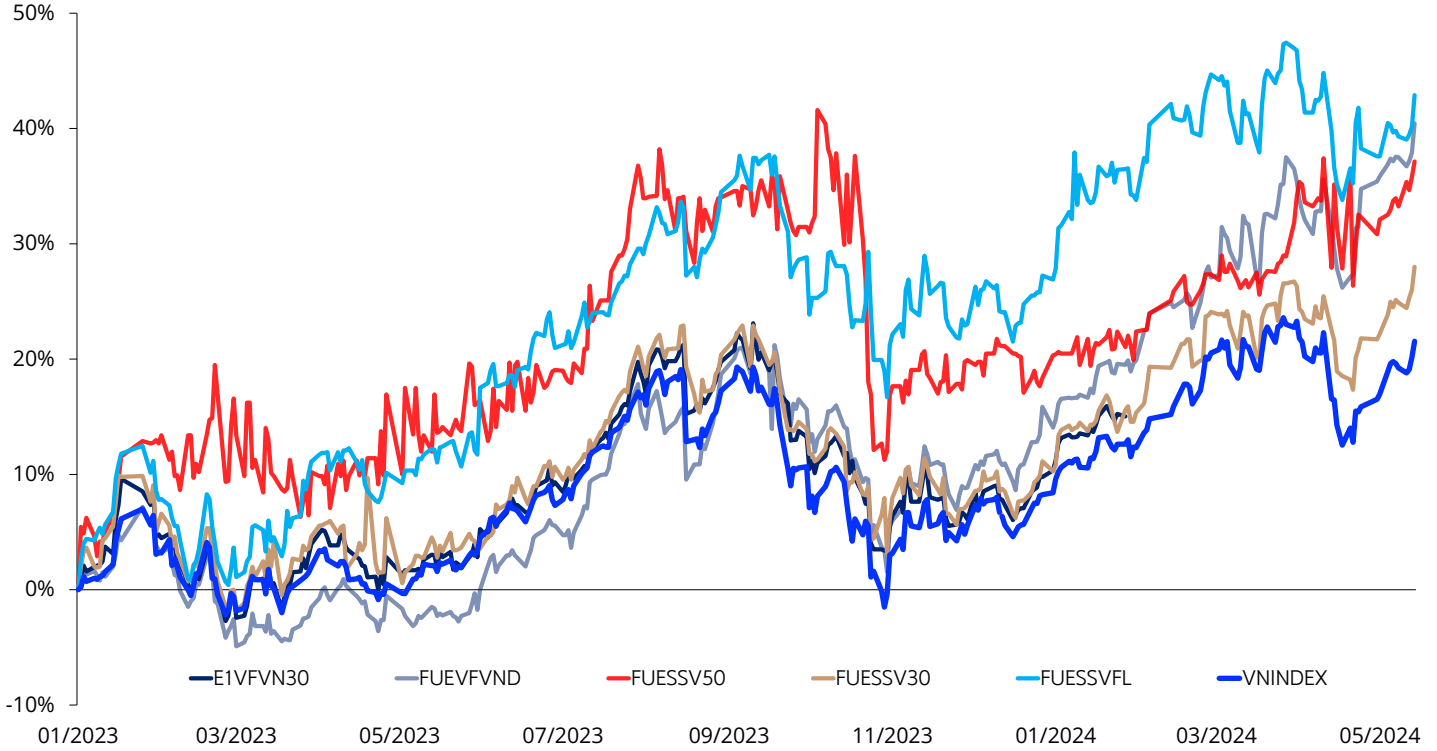
| Top mua bán ròng của khối ngoại trong ngày (tỷ đồng) |          |              |       |  | Giao dịch của khối ngoại (tỷ đồng) |         |         |              |
|--|----------|--------------|-------|--|------------------------------------|---------|---------|--------------|
| Top bán ròng   |          | Top mua ròng |       |  | Ngày                               | Mua     | Bán     | Mua-Bán ròng |
| (99.54)  | FUEVFVND | MWG          | 76.64 |  | 10/22/2024                         | 1,406.4 | 1,545.0 | -138.6       |
| (68.80)  | KDH      | TCB          | 65.03 |  | 10/21/2024                         | 1,226.1 | 1,495.8 | -269.7       |
| (51.31)  | VRE      | BVH          | 59.68 |  | 10/18/2024                         | 904.9   | 1,062.5 | -157.6       |
| (46.84)  | HPG      | VPB          | 55.42 |  | 10/17/2024                         | 1,381.4 | 1,785.6 | -404.3       |
| (39.02)  | VCI      | CTD          | 47.48 |  | 10/16/2024                         | 1,172.2 | 1,502.6 | -330.4       |
| (35.26)  | FRT      | VNM          | 33.01 |  | 10/15/2024                         | 1,151.2 | 1,726.4 | -575.2       |
| (28.25)  | TPB      | ORS          | 28.92 |  | 10/14/2024                         | 1,045.1 | 1,660.3 | -615.3       |
| (27.57)  | LPB      | SSI          | 27.19 |  | 10/11/2024                         | 1,539.8 | 1,847.1 | -307.3       |
| (26.71)  | SHB      | HDC          | 19.83 |  | 10/10/2024                         | 2,157.2 | 1,654.2 | 503.0        |
| (26.43)  | DGW      | PDR          | 13.20 |  | 10/9/2024                          | 2,276.6 | 2,322.9 | -46.3        |
|  |          |              |       |  | 10/8/2024                          | 1,469.1 | 1,585.1 | -116.0       |
|  |          |              |       |  | 10/7/2024                          | 890.7   | 1,228.0 | -337.3       |
|  |          |              |       |  | 10/4/2024                          | 968.3   | 1,541.0 | -572.7       |
|  |          |              |       |  | 10/3/2024                          | 1,773.7 | 1,199.8 | 573.8        |
|  |          |              |       |  | 10/2/2024                          | 1,364.1 | 1,106.5 | 257.6        |
|  |          |              |       |  | 10/1/2024                          | 1,912.7 | 1,223.1 | 689.6        |

# Chứng chỉ quỹ ETF

Thông kê giao dịch chứng chỉ quỹ ETF nội địa

| Stt | Tên quỹ                    | Mã chứng chỉ quỹ | Giá (VND) | %1D   | %1M   | YTD   | KLGD      | GTGD (tỷ đồng) | Thanh khoản 20 phiên |
|-----|----------------------------|------------------|-----------|-------|-------|-------|-----------|----------------|----------------------|
| 1   | DCVFMVN30 ETF Fund         | E1VFN30          | 23,680    | -0.1% | 2.1%  | 21.9% | 314,100   | 7.4            |                      |
| 2   | SSIAM VNX50 ETF            | FUESSV50         | 20,240    | 0.0%  | 2.0%  | 21.2% | 11,500    | 0.2            |                      |
| 3   | SSIAM VNFIN LEAD ETF       | FUESSVFL         | 22,090    | -0.4% | 4.8%  | 19.7% | 302,000   | 6.7            |                      |
| 4   | DCVFMVN Diamond ETF        | FUEVFN30         | 33,250    | -0.3% | -0.3% | 25.8% | 3,671,800 | 121.4          |                      |
| 5   | VinaCapital VN100 ETF      | FUEVN100         | 18,030    | -0.3% | 1.6%  | 17.6% | 76,100    | 1.4            |                      |
| 6   | SSIAM VN30 ETF             | FUESSV30         | 16,830    | -0.9% | 1.8%  | 20.5% | 7,500     | 0.1            |                      |
| 7   | MAFN VN30 ETF              | FUEMAV30         | 16,210    | -1.0% | 2.5%  | 20.2% | 8,700     | 0.1            |                      |
| 8   | IPAAM VN100 ETF            | FUEIP100         | 8,950     | 0.0%  | 4.9%  | 6.3%  | 200       | 0.0            |                      |
| 9   | KIM Growth VN30 ETF        | FUEKIV30         | 9,040     | -1.2% | 2.5%  | 20.5% | 700       | 0.0            |                      |
| 10  | DCVFMVN Mid Cap ETF        | FUEDCMID         | 11,810    | -1.2% | -0.8% | 8.3%  | 14,600    | 0.2            |                      |
| 11  | KIM Growth VNFINSELECT ETF | FUEKIVFS         | 12,940    | -1.6% | 3.6%  | 22.1% | 254,100   | 3.3            |                      |
| 12  | MAFM VNDIAMOND ETF         | FUEMAVND         | 13,780    | -1.4% | -1.5% | 26.1% | 3,100     | 0.0            |                      |
| 13  | FPT CAPITAL VNX50 ETF      | FUEFCV50         | 12,050    | -1.2% | -3.6% | -6.1% | 5,400     | 0.1            |                      |
| 14  | KIM GROWTH VN DIAMOND ETF  | FUEKIVND         | 12,300    | n.a   | -1.7% | n.a   | 100       | 0.0            |                      |
| 15  | Bao Viet Fund VN Diamond   | FUEBFVND         | n.a       | n.a   | n.a   | n.a   | 0         | n.a            |                      |
| 16  | An Binh Fund VN Diamond    | FUEABVND         | 10,300    | 0.0%  | 1.0%  | n.a   | 100       | 0.0            |                      |

Tỷ suất lợi nhuận của các ETF và VNINDEX



Thông kê chứng chỉ quỹ ETF nội địa

| Stt | Tên quỹ                    | Công ty quản lý | Ngày thành lập | Mô phỏng chỉ số | Tài sản (triệu USD) | Dòng vốn ròng 1M (triệu USD) | Dòng vốn ròng 3M (triệu USD) | Tỷ suất lợi nhuận 1Y (%) | Độ lệch chuẩn 1Y (%) | Beta | Lợi suất cổ tức (%) | PB (x) | PE (x) | Tỷ trọng top 10 cổ phiếu (%) |
|-----|----------------------------|-----------------|----------------|-----------------|---------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------------|----------------------|------|---------------------|--------|--------|------------------------------|
| 1   | DCVFMVN30 ETF Fund         | DCVFM           | 8/14/2014      | VN30            | 287.6               | (89,810)                     | (586,208)                    | 22.0                     | 15.1                 | 1.0  | 1.98                | 1.7    | 11.4   | 63.9                         |
| 2   | SSIAM VNX50 ETF            | SSIAM           | 12/15/2014     | VNX50IX         | 5.1                 | -                            | -                            | 4.2                      | 26.9                 | 0.9  | 1.78                | 1.7    | 12.6   | 52.2                         |
| 3   | SSIAM VNFIN LEAD ETF       | SSIAM           | 2/24/2020      | VNFL            | 18.7                | (62,185)                     | (88,554)                     | 23.5                     | 19.9                 | 1.0  | 2.36                | 1.4    | 8.9    | 81.1                         |
| 4   | DCVFMVN Diamond ETF        | DCVFM           | 5/12/2020      | VND             | 515.3               | 718,961                      | 672,843                      | 30.9                     | 18.9                 | 0.9  | 2.12                | 1.9    | 11.9   | 81.1                         |
| 5   | VinaCapital VN100 ETF      | Vinacapital     | 6/16/2020      | VN100           | 0.013               | -                            | -                            | 20.2                     | 15.7                 | 0.9  | 1.72                | 1.7    | 13.0   | 45.9                         |
| 6   | SSIAM VN30 ETF             | SSIAM           | 7/27/2020      | VN30            | 6.9                 | -                            | 16,306                       | 21.5                     | 17.8                 | 1.0  | 1.91                | 1.7    | 11.5   | 63.9                         |
| 7   | MAFN VN30 ETF              | MAFM            | 12/8/2020      | VN30            | n.a                 | (1,599)                      | (7,737)                      | 22.0                     | 16.6                 | 1.0  | n.a                 | n.a    | n.a    | n.a                          |
| 8   | IPAAM VN100 ETF            | I.P.A           | 7/28/2021      | VN100           | 1.9                 | -                            | -                            | 9.4                      | 38.4                 | 0.9  | 1.81                | 1.6    | 13.0   | 47.8                         |
| 9   | KIM Growth VN30 ETF        | KIM             | 1/6/2022       | VN30TR          | 68.9                | 90,650                       | 379,627                      | 23.5                     | 19.8                 | 0.9  | 1.91                | 1.7    | 11.4   | 64.1                         |
| 10  | DCVFMVN Mid Cap ETF        | DCVFM           | 9/29/2022      | VNMidcap        | 14.4                | -                            | 48,987                       | 20.1                     | 24.3                 | 0.9  | 1.35                | 1.6    | 18.8   | 44.7                         |
| 11  | KIM Growth VNFINSELECT ETF | KIM             | 11/3/2022      | VNFS            | 12.4                | -                            | -                            | 26.6                     | 19.4                 | 1.0  | 2.19                | 1.4    | 8.9    | 71.0                         |
| 12  | MAFM VNDIAMOND ETF         | MAFM            | 3/2/2023       | VND             | n.a                 | -                            | -                            | 29.6                     | 19.0                 | 1.0  | n.a                 | n.a    | n.a    | n.a                          |
| 13  | FPT CAPITAL VNX50 ETF      | FPTF            | 5/25/2023      | VNX50           | n.a                 | -                            | -                            | -16.2                    | 41.8                 | 0.1  | n.a                 | n.a    | n.a    | n.a                          |
| 14  | KIM GROWTH VN DIAMOND ETF  | KIMF            | 4/24/2024      | VNX50           | 4.1                 | n.a                          | n.a                          | n.a                      | n.a                  | 1.1  | 2.25                | 1.9    | 11.7   | 84.3                         |
| 15  | Bao Viet Fund VN Diamond   | BVF             | 8/11/2023      | VN30            | n.a                 | n.a                          | n.a                          | n.a                      | n.a                  | n.a  | n.a                 | n.a    | n.a    | n.a                          |
| 16  | An Binh Fund VN Diamond    | ABF             | 8/16/2024      | VN30            | n.a                 | n.a                          | n.a                          | n.a                      | n.a                  | 0.2  | n.a                 | n.a    | n.a    | n.a                          |

Nguồn: Bloomberg

## SEOUL

Shinhan Securities Corp.  
Shinhan Investment Tower  
70, Youido-dong, Yongsongpo-gu,  
Seoul, Korea 150-712  
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702  
Fax : (82-2) 6671-7573

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.  
Shanghai Representative Office  
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,  
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China  
Tel : (86-21) 6888-9135/6  
Fax : (86-21) 6888-9139

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.  
1325 Avenue of the Americas Suite 702,  
New York, NY 10019  
Tel : (1-212) 397-4000  
Fax : (1-212) 397-0032

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.  
18th Floor, The Mett Tower, 15 Tran Bach Dang Street, Thu Thiem  
Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam  
Tel : (84-8) 6299-8000  
Fax : (84-8) 6299-4232

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.  
Unit 7705 A, Level 77  
International Commerce Centre  
1 Austin Road West  
Kowloon, Hong Kong  
Tel : (852) 3713-5333  
Fax : (852) 3713-5300

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.  
Hanoi Branch  
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To Ward,  
Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam  
Tel : (84-8) 6299-8000

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia  
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.  
22-23, Jakarta, Indonesia  
Tel : (62-21) 5140-1133  
Fax : (62-21) 5140-1599



### Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

### Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyển bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.